

UBND XÃ XUÂN TRƯỜNG
TRƯỜNG MẦM NON XUÂN NINH

BÁO CÁO
TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
NĂM HỌC 2025–2026

XUÂN TRƯỜNG – NĂM 2026

2
UBND XÃ XUÂN TRƯỜNG
TRƯỜNG MẦM NON XUÂN NINH

BÁO CÁO
TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
NĂM HỌC 2025– 2026

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Mai Thị Mai	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Phạm Thị Huyền	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Đỗ Thị Toan	Phó hiệu trưởng	Ủy viên Hội đồng	
4	Phạm Thị Diệp	Tổ trưởng Tổ MG 5-6 tuổi	Thư ký Hội đồng	
5	Phạm Thị Thuỷ	Tổ trưởng Tổ MG 4-5 tuổi	Ủy viên Hội đồng	
6	Đỗ Thị Hương	Tổ trưởng Tổ MG 3-4 tuổi	Ủy viên Hội đồng	
7	Nguyễn Thị Huyền	Tổ trưởng Tổ nhà trẻ	Ủy viên Hội đồng	
8	Vũ Thị Mây	Tổ phó Tổ MG 4-5 tuổi	Ủy viên Hội đồng	
9	Mai Thị Phương	Giáo viên tổ MG 3-4 tuổi	Ủy viên Hội đồng	
10	Đỗ Thị Thu Lành	Tổ phó Tổ MG 5-6 tuổi	Ủy viên Hội đồng	
11	Phạm Thị Ngọc	Kế toán	Ủy viên Hội đồng	

XUÂN TRƯỜNG - NĂM 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	3
Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	5
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	6
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	7
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	8
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	8
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	9
I. NHÓM TIÊU CHÍ 1	9
KẾT LUẬN VỀ NHÓM TIÊU CHÍ 1	10
II. NHÓM TIÊU CHÍ 2	10
Tiêu chí 2.1	10
Tiêu chí 2.2	11
Tiêu chí 2.3	12
Tiêu chí 2.4	13
Tiêu chí 2.5	13
Tiêu chí 2.6	14
Tiêu chí 2.7	15
Tiêu chí 2.8	16
Tiêu chí 2.9	17
Tiêu chí 2.10	18
Tiêu chí 2.11	19
Tiêu chí 2.12	19
Tiêu chí 2.13	20
KẾT LUẬN VỀ NHÓM TIÊU CHÍ 2	21
3. NHÓM TIÊU CHÍ 3	23
Tiêu chí 3.1	23
Tiêu chí 3.2	23
Tiêu chí 3.3	24

KẾT LUẬN VỀ NHÓM TIÊU CHÍ 3	25
4. NHÓM TIÊU CHÍ 4	25
Tiêu chí 4.1	25
Tiêu chí 4.2	26
KẾT LUẬN VỀ NHÓM TIÊU CHÍ 4	27
5. NHÓM TIÊU CHÍ 5	28
Tiêu chí 5.1	28
Tiêu chí 5.2	29
KẾT LUẬN VỀ NHÓM TIÊU CHÍ 5	29
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	30

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Viết tắt	Chú thích
1	UDCNTT	Ứng dụng công nghệ thông tin
2	BGH	Ban giám hiệu
3	CBGVNV	Cán bộ giáo viên nhân viên
4	GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
5	MG	Mẫu giáo
6	NT	Nhà trẻ
7	NV	Nhân viên
8	CMHS	Cha mẹ học sinh
9	SP	Sư phạm
10	GD	Giáo dục
11	GV	Giáo viên
12	UBND	Ủy ban nhân dân
13	CSVC	Cơ sở vật chất
14	HĐ	Hội đồng
15	VP	Văn phòng
16	GDMN	Giáo dục mầm non
17	PCGD	Phổ cập giáo dục

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Kết quả đạt)

Tiêu chí	Kết quả đạt		
	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Nhóm tiêu chí 1	X	X	X
Nhóm tiêu chí 2	X	X	X
Nhóm tiêu chí 3	X	X	
Nhóm tiêu chí 4	X	X	X
Nhóm tiêu chí 5	X	X	X

Kết quả: Đạt Mức độ 3

Kết luận: Đạt Mức độ 3

Phần I**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương: Ninh Bình

Xã / phường: Xuân Trường

Điện thoại: 0917502603 Fax

Email: mn.xuanninh-xt@ninhbinh.edu.vn

Website Đạt mức độ chuyên đổi số: <https://mnxuanninh.ninhbinh.edu.vn/>

1. Số học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên năm học 2025-2026

Nhà trẻ		Mẫu giáo		Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên						Ghi chú
Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng	Giáo viên	Nhân viên			
							Kế toán	Nấu ăn	Bảo vệ	
07	200	19	490	01	02	58	01	12	04	(03 GV HĐ)

2. Nhân sự thực hiện chuyển đổi số:

Toàn bộ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và phụ huynh trong nhà trường.

3. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin

Loại phòng	Kiên cố	Ti vi kết nối Internet	Máy tính kết nối Internet	Máy in	Máy chiếu	Thiết bị nghe
Phòng học	26	26	7	9		
Văn phòng	1	1			1	1
Hiệu trưởng	1		1	1		
Phó hiệu trưởng	2		2	2		
Hành chính quản trị	1		2	1		
Nhân viên	3		1	1		

4. Các số liệu khác (nếu có):

Loại phòng	Kiên cố	Ti vi kết nối Internet	Máy tính kết nối Internet	Máy in	Máy chiếu	Thiết bị nghe
Phòng chức năng	23		5		1	1

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, chuyển đổi số đã và đang trở thành xu thế tất yếu trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có giáo dục và đào tạo. Đặc biệt, đối với giáo dục mầm non – cấp học đặt nền móng cho sự phát triển toàn diện của trẻ em – việc ứng dụng công nghệ thông tin, tiến hành chuyển đổi số một cách phù hợp, hiệu quả sẽ góp phần quan trọng nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý trong nhà trường.

Căn cứ Quyết định số 3276/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục mầm non, Trường Mầm non Xuân Ninh đã tiến hành tự đánh giá để xác định rõ hiện trạng mức độ chuyển đổi số tại đơn vị. Đây là cơ sở quan trọng giúp nhà trường nhìn nhận khách quan, đầy đủ các mặt hoạt động liên quan đến chuyển đổi số, từ đó đề xuất các mục tiêu, giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả công tác chuyển đổi số trong thời gian tới.

Trường Mầm non Xuân Ninh, tiền thân được thành lập từ năm 1964, trải qua gần 60 năm xây dựng và phát triển, luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo sát sao của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, sự phối hợp tích cực của các ban ngành, đoàn thể và sự đồng thuận, ủng hộ của phụ huynh học sinh. Đến nay, nhà trường đã có 26 nhóm, lớp được quy hoạch ổn định tại 4 khu, cơ sở vật chất khang trang, trang thiết bị dạy học cơ bản đáp ứng yêu cầu chăm sóc - giáo dục trẻ. Đội ngũ cán bộ, giáo viên có trình độ chuyên môn vững vàng, tâm huyết, tích cực đổi mới phương pháp, triển khai ứng dụng phương pháp giáo dục STEAM, xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm theo định hướng phát triển toàn diện cho trẻ. Công tác chuyển đổi số bước đầu được quan tâm triển khai và bước đầu đạt được những kết quả tích cực.

Tuy nhiên, Xuân Ninh vẫn là một xã nông nghiệp còn nhiều khó khăn, đời sống người dân chưa cao, điều kiện kinh tế - xã hội còn hạn chế, đặc biệt trong việc đầu tư cho giáo dục. Đây cũng là một trong những thách thức lớn đối với công cuộc chuyển đổi số trong nhà trường hiện nay.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn và định hướng phát triển giáo dục trong giai đoạn mới, Trường Mầm non Xuân Ninh thực hiện báo cáo tự đánh giá mức độ chuyển đổi số, nhằm phân tích, đánh giá đúng thực trạng, xác định rõ những thuận lợi, khó khăn và đề ra các giải pháp thiết thực để nâng cao chất lượng chuyển đổi số theo đúng Bộ tiêu chí do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng quản lý, chất lượng chăm sóc - giáo dục trẻ trong thời kỳ đổi mới và hội nhập.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. NHÓM TIÊU CHÍ 1:

Nội dung tiêu chí: Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số (CDS) nhằm nâng cao chất lượng trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và quản trị cơ sở giáo dục mầm non (ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch hằng năm).

1. Mô tả hiện trạng

Ngay từ đầu năm học nhà trường đã ban hành Kế hoạch số 445/KH-MNXN về việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025-2026 thông báo tới toàn bộ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của đơn vị và được công bố trên cổng thông tin điện tử của đơn vị theo đường link: <https://mnxuanninh.ninhbinh.edu.vn/cong-khai/ke-hoach-ung-dung-cong-nghe-thong-tin.html>

Nhà trường có hệ thống mạng Internet ổn định, phục vụ nhu cầu học tập và quản lý hành chính trực tuyến, có đầy đủ trang thiết bị công nghệ như tivi, máy tính kết nối Internet, thiết bị nghe... nhà trường triển khai nhập cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo của Bộ Giáo dục và Hệ thống Quản lý nhà trường Smas.edu.vn.

2. Điểm mạnh

- Kế hoạch được ban hành đúng thời hạn (trước khai giảng năm học), phù hợp với định hướng của Sở GDĐT tỉnh Ninh Bình và Quyết định 3276/QĐ-BGDĐT.
- Hiệu trưởng và Ban Giám hiệu thể hiện quyết tâm triển khai CDS thông qua việc thành lập Hội đồng TĐG và phân công nhiệm vụ cụ thể.
- Kế hoạch tập trung vào các lĩnh vực thiết yếu của giáo dục mầm non như quản lý hành chính và chăm sóc trẻ, phù hợp với đặc thù của trường.

3. Điểm yếu

Không xác định các chỉ số cụ thể để đánh giá hiệu quả (ví dụ: tỷ lệ giáo viên sử dụng thành thạo CNTT, tỷ lệ công việc quản lý được số hóa)

4. Kế hoạch cải tiến

Giải pháp cụ thể/Công việc thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Xác định chỉ số đo lường: Đặt mục tiêu 90% giáo viên sử dụng thành thạo hệ thống quản lý hồ sơ sổ sách Edoc và 100% công việc quản lý hành chính.	BGH, Hội đồng Sư phạm.		Năm học 2026-2027 và các năm tiếp theo.	

5. Kết luận về nhóm tiêu chí 1: Đạt

II. NHÓM TIÊU CHÍ 2: Triển khai ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ:

- Quản lý thông tin trẻ em.
- Quản lý thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em
- Quản lý thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên
- Quản lý thông tin y tế trường học
- Quản lý thông tin phổ cập giáo dục
- Quản lý thông tin tài sản, tài chính
- Quản lý văn bản điện tử
- Tiện ích tính toán khẩu phần ăn, hàm lượng dinh dưỡng, thực đơn hằng ngày theo chế độ dinh dưỡng cần thiết và phù hợp với sự phát triển của trẻ.
- Chức năng tổ chức hoạt động giáo dục trẻ.
- Chức năng phối hợp, tham gia của cha mẹ trẻ vào các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo kế hoạch của nhà trường.
- Chức năng tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ trẻ em và cộng đồng
- Kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục (do Bộ GDĐT quản lý)
- Ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Mức độ 1: Dưới 20 điểm

Mức độ 2: từ 20-45 điểm

Mức độ 3: trên 45 điểm

Tiêu chí 2.1: Quản lý thông tin trẻ em.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã triển khai nhập và quản lý dữ liệu thông tin trẻ em lên Hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành GD&ĐT của Bộ GD&ĐT csdl.moet.gov.vn từ năm học 2017-2018 cho đến nay, phần mềm Smas.edu.vn từ năm 2018-2019 cho đến nay do tập đoàn công nghiệp viễn thông quân đội Viettel cung cấp. Cập nhật và tổng hợp số liệu gửi lên cấp trên vào đầu năm và cuối năm. Hàng tháng nhập dữ liệu học sinh thay đổi và kết quả cân đo sức khỏe của trẻ theo quý. Học sinh được cập nhật theo lớp học và có đầy đủ các thông tin của trẻ về cá nhân, về gia đình, về sức khỏe, về hoàn thành chương trình GDMN. Hai phần mềm này có sự liên thông, đồng bộ số liệu với nhau. Hiện nay, nhà trường đã khai thác và sử dụng tương đối đầy đủ các tính năng của hệ thống. Dữ liệu thông tin của học sinh dễ lấy, dễ kiểm tra và đảm bảo tính chính xác.

Thông tin cá nhân trẻ: Họ tên, ngày sinh, mã định danh cá nhân, hộ khẩu, quê

quán, nơi sinh...

Dữ liệu sức khỏe: Kết quả cân đo định kỳ, tình trạng sức khỏe

Quá trình học tập: thông tin lớp học, giáo viên phụ trách, lịch sử học tập

Kết nối dữ liệu: Định hướng kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để đồng bộ và xác thực thông tin.

Đ/c Đỗ Thị Toan – Phó hiệu trưởng trực tiếp nhập dữ liệu thông tin lên 2 phần mềm và kiểm tra đảm bảo tính chính xác của số liệu, đáp ứng các yêu cầu thông tin, quản lý của ngành.

2. Điểm mạnh

Việc quản lý thông tin trẻ em của nhà trường được triển khai trên 2 phần mềm là: <https://csdl.moet.gov.vn/> và phần mềm <https://www.smas.edu.vn/>.

Việc quản lý thông tin trẻ em trên các phần mềm hiện nay có nhiều điểm mạnh, đặc biệt khi áp dụng các công nghệ hiện đại để tổ chức, bảo mật và phân tích dữ liệu. Các hệ thống thông minh giúp tiết kiệm thời gian, tăng cường tương tác giữa các bên liên quan và cung cấp các công cụ hỗ trợ hiệu quả cho việc chăm sóc và giáo dục trẻ. Những điểm mạnh này giúp nâng cao chất lượng dịch vụ và đảm bảo sự phát triển toàn diện của trẻ em.

3. Điểm yếu

Việc đồng bộ thông tin trẻ em giữa phần mềm <https://www.smas.edu.vn/> sang phần mềm https://csdl.moet.gov.vn còn gặp nhiều khó khăn, chưa đồng bộ được hết các dữ liệu vì vậy nhà trường còn phải làm độc lập 2 phần mềm.

4. Kế hoạch cải tiến

Giải pháp cụ thể/Công viện thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Phản ánh với đơn vị cung cấp phần mềm có giải pháp để đồng bộ hoá thông tin trẻ em giữa 2 phần mềm để giảm bớt áp lực cho nhà trường.	BGH		Năm học 2026-2027 và các năm tiếp theo.	

5. Tự đánh giá: Đạt 05 điểm

Tiêu chí 2.2: Quản lý thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường triển khai đầy đủ và đáp ứng các yêu cầu về thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em của ngành Giáo dục. Thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em trong nhà trường

được đồng bộ hoá lên hệ thống cấp trên quản lý kịp thời và chính xác.

2. Điểm mạnh

Việc quản lý thông tin theo dõi sức khoẻ trẻ em của nhà trường được triển khai trên phần mềm: <https://csdl.moet.gov.vn/> và phần mềm <https://www.smas.edu.vn/>

Việc quản lý thông tin theo dõi sức khoẻ trẻ em trên các phần mềm hiện nay có nhiều điểm mạnh, đặc biệt khi áp dụng các công nghệ hiện đại để tổ chức, bảo mật và phân tích dữ liệu. Các hệ thống thông minh giúp tiết kiệm thời gian, tăng cường tương tác giữa các bên liên quan và cung cấp các công cụ hỗ trợ hiệu quả cho việc chăm sóc và giáo dục trẻ. Những điểm mạnh này giúp nâng cao chất lượng dịch vụ và đảm bảo sự phát triển toàn diện của trẻ em.

3. Điểm yếu

Việc đồng bộ thông tin theo dõi sức khoẻ trẻ em giữa phần mềm <https://www.smas.edu.vn/> sang phần mềm https://csdl.moet.gov.vn còn gặp nhiều khó khăn, chưa đồng bộ được hết các dữ liệu vì vậy nhà trường còn phải làm độc lập 2 phần mềm.

4. Kế hoạch cải tiến

Giải pháp cụ thể/Công viên thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Phản ánh với đơn vị cung cấp phần mềm có giải pháp để đồng bộ hoá thông tin theo dõi sức khoẻ trẻ em giữa 2 phần mềm để giảm bớt áp lực cho nhà trường.	BGH		Năm học 2026-2027 và các năm tiếp theo.	

5. Tự đánh giá: Đạt 05 điểm

Tiêu chí 2.3: Quản lý thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường tiến hành quản lý thông tin cán bộ, giáo viên, nhân viên trên phần mềm CSDL ngành: csdl.moet.gov.vn (từ năm 2017-2018) và [Smas.edu.vn](https://www.smas.edu.vn/) (từ năm 2015-2016) giúp lưu trữ, cập nhật và khai thác dữ liệu một cách chính xác, tiện lợi.

Quản lý thông tin công chức viên chức trên phần mềm <https://ccvc.ninhbinh.gov.vn/> là phần mềm quản lý thông tin công chức viên chức trong ngành giáo dục tỉnh, phần mềm đã nộp phí hàng năm, nhà trường đã triển khai cho cán bộ giáo viên trực tiếp vào cập nhật thông tin cá nhân của mình truy cập theo mã căn cước công dân cá nhân.

Quản lý thông tin công chức, viên chức: cập nhật thông tin cá nhân, theo dõi quá trình công tác, quản lý khen thưởng, kỷ luật. Quản lý hồ sơ và báo cáo: xuất báo cáo danh sách công chức, viên chức theo yêu cầu, in hồ sơ cá nhân, theo dõi biến động nhân sự trong đơn vị.

Các thông tin cán bộ giáo viên nhân viên được cập nhật thường xuyên theo quý hoặc khi có sự thay đổi thông tin, đáp ứng các yêu cầu thông tin, quản lý của ngành.

2. Điểm mạnh

Việc quản lý thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của nhà trường được triển khai trên 3 phần mềm là: <https://csdl.moet.gov.vn/>; phần mềm <https://www.smas.edu.vn/> và phần mềm <https://ccvc.ninhbinh.gov.vn/>

Việc quản lý thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trên các phần mềm hiện nay có nhiều điểm mạnh, đặc biệt khi áp dụng các công nghệ hiện đại để tổ chức, bảo mật và phân tích dữ liệu. Các hệ thống thông minh giúp tiết kiệm thời gian, tăng cường tương tác giữa các bên liên quan và cung cấp các công cụ hỗ trợ hiệu quả cho việc chăm sóc và giáo dục trẻ. Những điểm mạnh này giúp nâng cao chất lượng dịch vụ và đảm bảo sự phát triển toàn diện của trẻ em.

3. Điểm yếu

Việc đồng bộ thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên giữa phần mềm <https://www.smas.edu.vn/> sang phần mềm https://csdl.moet.gov.vn còn gặp nhiều khó khăn, chưa đồng bộ được hết các dữ liệu vì vậy nhà trường còn phải làm độc lập 2 phần mềm.

4. Kế hoạch cải tiến

Giải pháp cụ thể/Công việc thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Phản ánh với đơn vị cung cấp phần mềm có giải pháp để đồng bộ hoá thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên giữa các phần mềm để giảm bớt áp lực cho đội ngũ, nhà trường.	BGH		Năm học 2026-2027 và các năm tiếp theo.	

5. Tự đánh giá: Đạt 05 điểm

Tiêu chí 2.4: Quản lý thông tin y tế trường học

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đang tiến hành thực hiện quản lý thông tin y tế trường học trên phần mềm CSDL ngành của Bộ GD: csdl.moet.gov.vn và Phần mềm Smas.edu.vn (Viettel) của tỉnh Ninh Bình:

Hỗ trợ cập nhật sức khỏe định kỳ của học sinh

Quản lý tình trạng dinh dưỡng, tiêm chủng, bệnh lý

Kết nối với hệ thống dữ liệu quốc gia về giáo dục

Phần mềm Smas.edu.vn (Viettel) của tỉnh Ninh Bình có tích hợp module quản lý sức khỏe học sinh, Theo dõi khám sức khỏe định kỳ, tiêm chủng, bệnh tật

Xuất báo cáo nhanh chóng

Các phần mềm dễ sử dụng, giao diện thân thiện, dễ nhập số liệu, báo cáo chính xác, nhanh chóng, đảm bảo an toàn thông tin sức khỏe học sinh, đáp ứng các yêu cầu về thông tin, quản lý của ngành.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có cán bộ phụ trách công tác y tế trường học, thường xuyên cập nhật đầy đủ các thông tin, báo cáo về công tác y tế trường học theo quy định.

3. Điểm yếu

Chưa triển khai các yêu cầu về thông tin y tế trường học theo yêu cầu của ngành Giáo dục trên phần mềm.

4. Kế hoạch cải tiến

Giải pháp cụ thể/ Công việc thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tham mưu với cấp trên hỗ trợ kinh phí để ký hợp đồng với đơn vị cung cấp phần mềm về y tế học đường.	BGH	Tờ trình, kinh phí	Năm học 2026-2027 và các năm tiếp theo.	

5. Tự đánh giá: Đạt 03 điểm

Tiêu chí 2.5: Quản lý thông tin phổ cập giáo dục

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường quản lý thông tin phổ cập giáo dục từ năm 2013-2014 trên phần mềm Phổ cập giáo dục của Bộ GD triển khai cho đến nay (pcgd.moet.gov.vn). Phần mềm hỗ trợ các địa phương trong công tác quản lý, theo dõi và báo cáo tình hình

phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. 3 cấp học THCS, TH, MN của 1 xã dùng chung 1 tài khoản do PGD cung cấp, các trường cập nhật số liệu theo từng năm học.

Thêm mới hoặc chỉnh sửa thông tin học sinh theo từng độ tuổi (mầm non, tiểu học, THCS). Kiểm tra danh sách học sinh đã đồng bộ từ các hệ thống khác.

Cập nhật công dân trong độ tuổi phổ cập: Nhập và kiểm tra thông tin nhân khẩu từ hệ thống dân cư và dữ liệu địa phương, từ phiếu điều tra PCGD. Rà soát danh sách trẻ chưa đi học, bỏ học để có phương án vận động.

Tổng hợp báo cáo PCGD: xuất báo cáo thống kê theo từng cấp học và theo các tiêu chí quy định. Kiểm tra tỷ lệ phổ cập theo tiêu chí của Bộ GD. Gửi báo cáo lên cấp trên theo yêu cầu.

Nhà trường giao cho đ/c Đỗ Thị Toan phụ trách nhập số liệu lên phần mềm và đã tiến hành thực hiện phần mềm đạt hiệu quả, đáp ứng các yêu cầu về thông tin, quản lý của ngành.

2. Điểm mạnh

Việc quản lý thông tin phổ cập giáo dục của nhà trường được đồng bộ hoá và triển khai trên phần mềm <http://pcgd.moet.gov.vn> luôn chính xác và đầy đủ.

3. Điểm yếu

Việc đồng bộ thông tin phổ cập giáo dục trên phần mềm đôi khi chưa được kịp thời do bị nghẽn hệ thống.

4. Kế hoạch cải tiến

Giải pháp cụ thể/ Công việc thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tham mưu, phản ánh với cấp trên có giải pháp để giảm tình trạng nghẽn hệ thống khi nhập dữ liệu phổ cập trên phần mềm để thông tin phổ cập giáo dục của nhà trường được đồng bộ hoá.	BGH	Tờ trình, báo cáo...	Năm học 2026-2027 và các năm tiếp theo.	

5. Tự đánh giá: Đạt 05 điểm

Tiêu chí 2.6: Quản lý thông tin tài sản, tài chính

1. Mô tả hiện trạng

* Quản lý thông tin tài chính: Nhà trường sử dụng phần mềm kế toán MISA để

quản lý tài chính từ năm 2021 đến nay. Phần mềm phải trả kinh phí sử dụng theo năm. Kế toán nhà trường cài đặt phần mềm trên laptop, đăng nhập bằng tài khoản được cấp, thiết lập thông tin đơn vị (trường, mã số thuế, tài khoản ngân hàng)

Quản lý thu- chi trong trường mầm non:

- Quản lý thu học phí, tiền ăn, các khoản dịch vụ: Tạo danh sách học sinh và các khoản thu tương ứng. Lập chứng từ thu tiền học phí, tiền ăn bán trú, tiền nước uống, tiền dịch vụ khác. Theo dõi tình hình thu- nợ của từng học sinh. Xuất phiếu thu, in biên lai thu tiền cho phụ huynh

- Quản lý chi phí trong trường: Ghi nhận các khoản chi: tiền lương, tiền mua thực phẩm, văn phòng phẩm, thiết bị dạy học... Lập phiếu chi, chứng từ thanh toán theo nguồn kinh phí (ngân sách, nguồn thu khác..). Theo dõi số dư quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng. Kiểm tra và đối chiếu số liệu với sổ sách kế toán.

- Hạch toán kế toán theo quy định của Nhà nước: ghi nhận các khoản thu – chi theo Mục lục ngân sách Nhà nước. Hạch toán kế toán theo các tài khoản phù hợp. Kết chuyển cuối kỳ, lập bảng cân đối thu – chi.

- Lập báo cáo tài chính – quyết toán: Xuất báo cáo quyết toán ngân sách. Lập báo cáo thu – chi hàng tháng, hàng quý. Xuất báo cáo kiểm kê quỹ, tài sản của trường.

* Quản lý thông tin tài sản: Nhà trường đang sử dụng phần mềm cơ sở vật chất và thiết bị trường học từ năm 2024, thanh toán phí sử dụng theo năm. Phần mềm giúp quản lý tài sản, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học hiệu quả, đảm bảo kiểm soát và sử dụng hợp lý.

Truy cập phần mềm theo tên đăng nhập được cấp, nhập thông tin trường, địa chỉ, người phụ trách. Cấu hình danh mục tài sản, thiết bị theo nhóm: phòng học, bàn ghế, đồ chơi, thiết bị điện tử...

Quản lý tài sản và cơ sở vật chất: Nhập danh sách tài sản, thiết bị theo từng nhóm lớp, cập nhật tài sản khi có mua sắm hoặc được cấp. Theo dõi sử dụng thiết bị: phân bổ thiết bị vào từng phòng học, lớp học, ghi nhận tình trạng sử dụng, lập biên bản bàn giao thiết bị. Kiểm kê tài sản định kỳ theo tháng, quý, năm; so sánh giữa dữ liệu phần mềm và thực tế.

Bảo trì, sửa chữa CSVC, thiết bị: theo dõi lịch bảo dưỡng định kỳ, ghi nhận yêu cầu sửa chữa, thay thế.

Báo cáo thống kê: xuất báo cáo tổng hợp tài sản toàn trường, báo cáo tình trạng cơ sở vật chất và thiết bị theo phòng học, nhóm lớp. Lập hồ sơ thanh lý tài sản hỏng hóc.

Hai phần mềm quản lý thông tin tài sản, tài chính giao cho đ/c Phạm Thị Ngọc – bộ phận tài chính của nhà trường phụ trách, quản lý, cập nhập số liệu lên phần mềm, đảm bảo đáp ứng yêu cầu về thông tin quản lý của ngành.

2. Điểm mạnh

Việc quản lý thông tin tài sản được cập nhật trên phần mềm

<https://qltsapp.misa.vn/>; quản lý tài tài chính của nhà trường được cập nhật trên phần mềm <https://id.misa.com.vn/> và phần mềm <https://dvc.vst.mof.gov.vn/> luôn đầy đủ và đúng tiến độ.

3. Điểm yếu

Kế toán mới được tuyển dụng chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc cập nhật trên hệ thống các phần mềm quản lý tài sản, tài chính nên đôi khi các số liệu còn chưa đồng bộ.

4. Kế hoạch cải tiến

Giải pháp cụ thể/Công viện thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Động viên đồng chí kế toán nhà trường tích cực nghiên cứu, học tập, trau dồi kiến thức để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ	BGH, kế toán	Phụ trách kế toán	Năm học 2026-2027 và các năm tiếp theo.	

5. Tự đánh giá: Đạt 03 điểm

Tiêu chí 2.7: Quản lý văn bản điện tử

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đang quản lý văn bản điện tử trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành UBND xã Xuân Trường, truy cập vpdntd.vnptionffice.vn. Hệ thống giúp lưu trữ, xử lý, tìm kiếm và luân chuyển văn bản hành chính một cách nhanh chóng, hiệu quả.

Hằng ngày, do nhà trường chưa có văn thư nên giao phụ trách là đ/c Nguyễn Thị Báu – Giáo viên truy cập vào hệ thống quản lý văn bản để quản lý văn bản đến, chuyển xử lý văn bản đến Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng. Tra cứu và tìm kiếm văn bản dễ dàng. Cập nhật thường xuyên đảm bảo đầy đủ, chính xác thông tin văn bản đáp ứng các yêu cầu về thông tin, quản lý của ngành.

2. Điểm mạnh

Việc quản lý văn bản điện tử được cập nhật thường xuyên trên phần mềm quản lý văn bản điều hành https://vpdntd.vnptioffice.vn/qlvbdh_ndh và trang thông tin điện tử của trường <https://mnxuanninh.ninhbinh.edu.vn/>

3. Điểm yếu

- Nhà trường không có nhân viên phụ trách công tác văn thư mà chỉ là giáo viên kiêm nhiệm nên đôi khi việc cập nhật văn bản trên hệ thống chưa kịp thời.
- Việc cập nhật văn bản đến từng giáo viên mới thực hiện qua việc đăng tải

trang thông tin điện tử của trường chưa thực hiện qua tài khoản quản lý văn bản điều hành do giáo viên chưa có tài khoản quản lý văn bản điều hành, nhà trường chưa có văn thư chuyên trách, nên việc cập nhật văn bản đôi khi chưa kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến

Giải pháp cụ thể/ Công việc thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tích cực tham mưu với cấp trên bổ sung thêm tài khoản phần mềm quản lý văn bản điều hành cho GVVN và bổ sung vị trí văn thư chuyên trách cho các trường mầm non để đảm bảo công tác quản lý, theo dõi văn bản.	BGH, kế toán phụ trách công tác văn thư	Tờ trình, kinh phí, BGH, phụ trách công tác văn thư	Năm học 2026-2027 và các năm tiếp theo.	

5. Tự đánh giá: Đạt 03 điểm

Tiêu chí 2.8: Tiện ích tính toán khẩu phần ăn, hàm lượng dinh dưỡng, thực đơn hằng ngày theo chế độ dinh dưỡng cần thiết và phù hợp với sự phát triển của trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường hiện đang tiến hành tính toán khẩu phần ăn, hàm lượng dinh dưỡng theo thực đơn hằng ngày cho trẻ theo chế độ dinh dưỡng cần thiết của trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo trên phần mềm tính ăn Nutriall, đóng phí gia hạn.

Giáo viên, nhân viên phụ trách hồ sơ nuôi ăn, hằng ngày tính ăn theo thực đơn của nhà trẻ và mẫu giáo trên phần mềm Nutri All cho cả trường. Tính ăn cho trẻ mẫu giáo riêng, nhà trẻ riêng. Phần mềm tự động tính tổng năng lượng, protein, lipid, glucid phù hợp theo nhu cầu dinh dưỡng. Phần mềm xuất bảng tính khẩu phần ăn cho trẻ nhà trẻ, mẫu giáo theo số suất ăn trong ngày và theo thực đơn đã xây dựng. Quản lý kho thực phẩm, nhập – xuất nguyên liệu bằng phần mềm. Có bảng tài chính công khai, phiếu tiếp phẩm để theo dõi mức tiêu thụ thực phẩm theo thời gian. Tính ăn trên phần mềm Nutri All đảm bảo thời gian, nhanh chóng, chính xác, khoa học, đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ và có cơ sở để thông báo đến cha mẹ trẻ thường xuyên về thực đơn, hàm lượng dinh dưỡng của trẻ được đáp ứng tại trường.

2. Điểm mạnh

Khi tính toán khẩu phần ăn cho trẻ trên phần mềm giúp người tính ăn có thể tạo ra một số lượng không giới hạn các chế độ ăn cho các đối tượng ăn khác nhau ví dụ

cho các đối tượng ăn mẫu giáo, nhà trẻ. Thao tác khởi tạo chế độ ăn được thực hiện nhanh chóng và chính xác. Đặc biệt, ngay trong quá trình cân đối dưỡng chất - giá thành khi tính khẩu phần ăn, người tính ăn cũng có thể quay lại để điều chỉnh chế độ ăn gồm mức cung cấp năng lượng cũng như tỷ lệ các chất sinh năng lượng (đạm, béo, bột đường) sao cho phù hợp với chi phí tiền ăn của trẻ trong trường.

3. Điểm yếu

Nhiều điểm trường nên việc tính ăn và chia thực phẩm cho các khu lẻ đôi khi gặp khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến

Giải pháp cụ thể/ Công việc thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tham mưu các cấp có kế hoạch chuẩn bị cơ sở vật chất đồn các điểm trường lẻ đảm bảo thuận lợi cho công tác quản lý bán trú.	BGH	Tham mưu xây dựng quỹ đất để giảm điểm trường lẻ	Năm học 2026-2027 và các năm tiếp theo.	

5. Tự đánh giá: Đạt 07 điểm

Tiêu chí 2.9: Chức năng tổ chức hoạt động giáo dục trẻ

1. Mô tả hiện trạng

Triển khai ứng dụng công nghệ vào tổ chức hoạt động giáo dục trẻ được giáo viên trong trường tiến hành trên các nhóm lớp và ở nhiều hoạt động. Thiết kế bài giảng sinh động bằng PowerPoint, Canva, KidsOnline. Sử dụng máy chiếu để dạy trẻ nhận biết chữ cái, con số, màu sắc... Ứng dụng AI nhận diện hình ảnh giúp trẻ học về động vật, thực vật. Tạo tư liệu giáo dục: quay chỉnh video bằng Camtasia Studio, Canva. Khai thác dữ liệu số bằng cách tìm trên Google, Youtube, Coccoc. Vào kho học liệu số của Bộ giáo dục: igiaoduc.vn; violet.vn; cunghoc.vn; twinkl.com.vn. Sáng tác bài hát bằng AI: Suno. ChatGPT : trí tuệ nhân tạo, Gemini.

Giáo viên đã tiến hành ứng dụng công nghệ chuyển đổi số vào trong các hoạt động học, hoạt động vui chơi của trẻ hàng ngày, tạo hiệu quả giáo dục cao.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã triển khai cho Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn, tổ trưởng chuyên môn và giáo viên khai thác ứng dụng các phần mềm hỗ trợ thiết kế bài giảng để chăm sóc giáo dục trẻ tốt.

3. Điểm yếu

Việc thao tác, ứng dụng các phần mềm công nghệ của một số giáo viên cao tuổi còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến

Giải pháp cụ thể/ Công viện thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Thường xuyên cập nhật phổ biến, tập huấn hướng dẫn cách sử dụng các phần mềm hỗ trợ dạy học cho giáo viên.	BGH, tổ trưởng chuyên môn	BGH, tổ trưởng chuyên môn	Năm học 2026-2027 và các năm tiếp theo.	

5. Tự đánh giá: Đạt 7 điểm

Tiêu chí 2.10: Chức năng phối hợp, tham gia của cha mẹ trẻ vào các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo kế hoạch của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Việc kết nối nhà trường với phụ huynh hiện đang thực hiện trên các nhóm chat zalo của từng lớp để cập nhật tình hình trẻ theo ngày, phụ huynh dễ dàng trao đổi với giáo viên, tiết kiệm thời gian. Đồng thời phụ huynh tham gia các ý kiến về việc tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ngay trên nhóm zalo. Giáo viên gửi video bài giảng, câu chuyện, trò chơi học tập cho trẻ qua zalo để phụ huynh cùng kết hợp dạy con ở nhà hoặc gửi mã QR trò chơi cho phụ huynh cho con chơi.

Tiến hành cho 100% phụ huynh thanh toán tiền học cho con hàng tháng không dùng tiền mặt thông qua tài khoản ngân hàng của nhà trường được nhanh chóng an toàn.

Nhà trường đăng các hoạt động, thông báo, tin tức lên trang website của trường hay lên trang fanpage của trường là Trường Mầm non Xuân Ninh để qua đó phụ huynh nắm được các hoạt động của con ở trường.

Nhà trường triển khai phối hợp, tham gia của cha mẹ trẻ vào các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo kế hoạch của nhà trường trên Website của trường tại địa chỉ <https://mnxuanninh.ninhbinh.edu.vn/> nhưng tần suất phụ huynh theo dõi sử dụng chưa được thường xuyên.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã triển khai cho Ban truyền thông đăng tải các hoạt động có sự tham gia phối hợp của cha mẹ trẻ vào hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo kế hoạch của nhà trường trên Website của trường tại địa chỉ <https://mnxuanninh.ninhbinhh.edu.vn/>.

3. Điểm yếu

Tần suất phụ huynh theo dõi các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo kế hoạch của nhà trường trên Website của trường tại địa chỉ <https://mnxuanninh.ninhbinh.edu.vn/sử dụng chưa được thường xuyên>.

4. Kế hoạch cải tiến

Giải pháp cụ thể/ Công việc thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
BGH chỉ đạo Ban truyền thông của nhà trường thường xuyên đăng tải các hoạt động tăng tần suất theo dõi, tham gia phối hợp của cha mẹ trẻ vào hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường trên Website.	BGH, Ban truyền thông	Ban truyền thông	Năm học 2026-2027 và các năm tiếp theo.	

5. Tự đánh giá: Đạt 06 điểm

Tiêu chí 2.11: Chức năng tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ trẻ em và cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường chỉ đạo các nhóm lớp thiết lập nhóm zalo/ Facebook của từng lớp ngay từ đầu mỗi năm học để qua đó cung cấp thông tin nhanh chóng, tạo kênh trao đổi giữa các thành viên – phụ huynh. Định kỳ chia sẻ bài viết, video, thông báo... về các hoạt động giáo dục, về phương pháp giáo dục trẻ hay giải đáp thắc mắc của phụ huynh theo từng tình huống cụ thể.

Sử dụng website: mnxuanninh.ninhbinh.edu.vn và trang fanpage: Trường Mầm non Xuân Ninh của nhà trường để cập nhật tài liệu, video hướng dẫn về dinh dưỡng, giáo dục trẻ, chia sẻ nhanh thông tin, đăng bài viết khoa học nuôi dạy trẻ, lưu trữ kiến thức chính thống để tuyên truyền, phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ tới phụ huynh và cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã triển khai tới CBGV tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ trẻ em và cộng đồng bằng các hình thức như: tuyên truyền trực tiếp trong buổi họp phụ huynh, trong giờ đón trả trẻ, qua bảng tuyên

truyền tại các nhóm lớp; hoặc trên các nền tảng xã hội như Facebook, Zalo nhóm lớp, Website của trường tại địa chỉ <https://mnxuanninh.ninhbinh.edu.vn/>.

3. Điểm yếu

Việc tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ trẻ em và cộng đồng chưa được thường xuyên theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến

Giải pháp cụ thể/ Công viện thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
BGH chỉ đạo CBGV tích cực hơn trong việc tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ trẻ em và cộng đồng.	CBGVNV	CBGVNV và CMHS	Năm học 2026-2027 và các năm tiếp theo.	

5. Tự đánh giá: Đạt 2 điểm

Tiêu chí 2.12: Kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục (do Bộ GD&ĐT quản lý)

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã triển khai kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với cơ sở dữ liệu trên Hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành GD&ĐT của Bộ GD&ĐT “csdl.moet.gov.vn” từ năm học 2017-2018 và cơ sở dữ liệu của tỉnh Ninh Bình: Smas.edu.vn (từ năm 2015-2016) cho đến nay. Nhà trường chưa sử dụng kết nối (API)

Đầu và cuối mỗi năm học, nhà trường cập nhật, kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu lên phần mềm: quản lý trường lớp, quản lý trẻ mầm non, quản lý nhân sự, quản lý cơ sở vật chất, báo cáo và thống kê.

Nhập và cập nhật thông tin về trường, lớp trong năm học, theo dõi số lớp học, sĩ số theo từng độ tuổi.

Hồ sơ trẻ có đầy đủ thông tin cá nhân, ngày nhập học, độ tuổi, tình trạng sức khỏe, cập nhật dữ liệu về cân nặng và chiều cao, tình trạng suy dinh dưỡng, thừa cân, việc chuyển đi chuyển đến, thông tin học tập.

Nhập đầy đủ thông tin về giáo viên, nhân viên gồm trình độ chuyên môn, thời gian công tác, bồi dưỡng nghiệp vụ, chế độ chính sách, hợp đồng lao động, tăng giảm giáo viên, khen thưởng, kỷ luật.

Ghi nhận tình trạng phòng học (Kiên cố, bán kiên cố, tạm bợ), báo cáo số lượng phòng học, phòng chức năng, bếp ăn, nhà vệ sinh, sân chơi, đồ dùng đồ chơi cho trẻ theo số liệu tại thời điểm báo cáo.

Tổng hợp dữ liệu báo cáo thống kê gửi lên cấp trên đầy đủ đúng theo quy định về thời gian và biểu thống kê.

Việc thực hiện kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục giúp nhà trường quản lý hồ sơ trẻ và giáo viên khoa học, chính xác, hỗ trợ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ dựa trên số liệu cụ thể; tiết kiệm thời gian báo cáo do dữ liệu được cập nhật trực tuyến, hạn chế việc tổng hợp thủ công.

2. Điểm mạnh

Cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời và đồng bộ các thông tin về trường, lớp, học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên, cơ sở vật chất, tài chính... theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định trên các phần mềm.

3. Điểm yếu

Việc đồng bộ các thông tin giữa phần mềm <https://www.smas.edu.vn/> sang phần mềm <https://csdl.moet.gov.vn> còn gặp nhiều khó khăn, chưa đồng bộ được hết các dữ liệu vì vậy nhà trường còn phải làm độc lập 2 phần mềm.

4. Kế hoạch cải tiến

Giải pháp cụ thể/ Công việc thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Phản ánh với đơn vị cung cấp phần mềm có giải pháp để đồng bộ hoá thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên giữa 2 phần mềm để giảm bớt áp lực cho nhà trường.	BGH		Năm học 2026-2027 và các năm tiếp theo.	

5. Tự đánh giá: Đạt 5 điểm

Tiêu chí 2.13: Ban hành, quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã ban hành Quyết định số 622/QĐ-MNXN ngày 31/12/2025 về việc ban hành Quy chế về việc quản lý, vận hành khai thác ứng dụng quản trị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Quy chế gồm 3 Chương, 9 Điều quy định rõ phạm vi, đối tượng áp dụng, trách

nhiệm của thành viên tham gia sử dụng ứng dụng, nguyên tắc quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng; cách quản trị các hệ thống, an toàn hệ thống, khen thưởng và kỷ luật, trách nhiệm của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, trách nhiệm của giáo viên, nhân viên, của phụ huynh trong tổ chức thực hiện.

Triển khai Quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tới 100% CBGVNV trong nhà trường nắm được để nghiêm túc thực hiện.

2. Điểm mạnh

Quy chế quy định rõ phạm vi, đối tượng, trách nhiệm của các thành viên tham gia sử dụng ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong nhà trường; đồng thời xây dựng nguyên tắc quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Cán bộ phụ trách CNTT tại nhà trường được bố trí kiêm nhiệm là Phó hiệu trưởng nên không có nhiều thời gian nghiên cứu, nâng cao năng lực. Một số GV cao tuổi chưa sử dụng thành thạo các ứng dụng CNTT trong chuyên môn nên việc quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đôi khi còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến

Giải pháp cụ thể/ Công việc thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
CBGVNV tích cực nghiên cứu, học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ ứng dụng CNTT để việc quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	Năm học 2026-2027 và các năm tiếp theo.	

5. Tự đánh giá: Đạt

*Kết quả đánh giá nhóm tiêu chí 2: Đạt 56 điểm

Chỉ số	Điểm số
2.1. Quản lý thông tin trẻ em	5
2.2. Quản lý thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em	5
2.3. Quản lý thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	5

Chỉ số	Điểm số
2.4 Quản lý thông tin y tế trường học	3
2.5. Quản lý thông tin phổ cập giáo dục	5
2.6. Quản lý thông tin tài sản, tài chính	3
2.7. Quản lý văn bản điện tử	3
2.8. Tiện ích tính toán khẩu phần ăn, hàm lượng dinh dưỡng, thực đơn hằng ngày theo chế độ dinh dưỡng cần thiết và phù hợp với sự phát triển của trẻ.	7
2.9. Chức năng tổ chức hoạt động giáo dục trẻ	7
2.10. Chức năng phối hợp, tham gia của cha mẹ trẻ vào các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo kế hoạch của nhà trường	6
2.11. Chức năng phối hợp, tham gia của cha mẹ trẻ vào các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo kế hoạch của nhà trường	2
2.12. Kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục (do Bộ GDĐT quản lý)	5
2.13. Ban hành, quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	
Tổng điểm	56

*** Kết quả đánh giá: Đạt 56 điểm**

*** Kết luận về tiêu chí 2: Đạt mức độ 3**

III. NHÓM TIÊU CHÍ 3: Triển khai dịch vụ trực tuyến:

- Dịch vụ tuyển sinh đầu cấp mầm non trực tuyến
- Dịch vụ kết nối giữa gia đình và cơ sở giáo dục
- Dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt.

Mức độ:

Mức độ 1: dưới 04 điểm;

Mức độ 2: từ 04 - 08 điểm;

Mức độ 3: trên 08 điểm

Tiêu chí 3.1: Dịch vụ tuyển sinh đầu cấp mầm non trực tuyến.

1. Mô tả hiện trạng

Hiện nay, công tác tuyển sinh đầu cấp tại trường chưa triển khai hình thức tuyển sinh trực tuyến thông qua Dịch vụ tuyển sinh đầu cấp của Bộ GD&ĐT. Thay vào đó, nhà trường thực hiện tuyển sinh theo các phương thức truyền thống, bao gồm:

Thông báo tuyển sinh qua đài phát thanh địa phương để phổ biến rộng rãi thông tin đến phụ huynh.

Giáo viên trực tiếp thông báo đến phụ huynh ở tổ dân phố mình sinh sống thông qua các kênh liên lạc như gặp gỡ trực tiếp, nhóm Zalo của phụ huynh hoặc trong các buổi sinh hoạt cộng đồng.

Thông báo tuyển sinh trên trang Website, fanpage của nhà trường, trên zalo, facebook của cán bộ giáo viên nhân viên.

2. Điểm mạnh

- Trường có 4 điểm trường đều được kết nối internet do Viettel, VNPT cung cấp, đáp ứng được nhu cầu sử dụng thông báo kế hoạch tuyển sinh qua zalo, facebook...**Đã cho đăng ký dịch vụ tuyển sinh đầu cấp mầm non trực tuyến thông qua cổng thông tin điện tử.**

3. Điểm yếu

Tỷ lệ phụ huynh đăng ký dịch vụ tuyển sinh trực tuyến còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến

Giải pháp cụ thể/ Công việc thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mức thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tham mưu với cấp trên hỗ trợ kinh phí để ký hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ tuyển sinh trực tuyến hoặc mở các lớp tập huấn về tạo phần mềm tuyển sinh trực tuyến cho trường mầm non.	BGH	Tờ trình, kinh phí	Năm học 2026-2027 và các năm tiếp theo.	

5. Tự đánh giá: Đạt 01 điểm

Tiêu chí 3.2: Dịch vụ kết nối giữa gia đình và cơ sở giáo dục qua ứng dụng web/thiết bị thông minh/ mạng xã hội/ OTT (over the top) gồm tối thiểu các chức năng: thông tin thông báo, điểm danh, xin nghỉ học, phản hồi, đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Việc kết nối nhà trường với phụ huynh hiện đang thực hiện trên các nhóm chat Zalo của từng lớp để cập nhật tình hình trẻ theo ngày, thông tin thông báo, điểm danh, xin nghỉ học, phụ huynh dễ dàng trao đổi với giáo viên, tiết kiệm thời gian. Đồng thời phụ huynh tham gia các ý kiến về việc tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ngay trên nhóm Zalo. Giáo viên gửi video bài giảng, câu chuyện, trò chơi học tập cho trẻ qua zalo, Facebook. Messenger để phụ huynh cùng kết hợp

dạy con ở nhà hoặc gửi mã QR trò chơi cho phụ huynh cho con chơi.

Nhà trường đăng các hoạt động, thông báo, tin tức lên trang website của trường hay lên trang fanpage của trường là Trường Mầm non Xuân Ninh để qua đó phụ huynh nắm được các hoạt động của con ở trường.

2. Điểm mạnh

- Trường có 4 điểm trường đều được kết nối internet do Viettel, VNPT cung cấp, đáp ứng được nhu cầu sử dụng.
- Việc kết nối giữa gia đình và cơ sở giáo dục bằng hình thức trực tiếp qua giờ đón, trả trẻ và qua ứng dụng zalo của các nhóm lớp được thực hiện thường xuyên.

3. Điểm yếu

Chưa triển khai dịch vụ kết nối giữa gia đình và cơ sở giáo dục qua ứng dụng web/thiết bị thông minh/ mạng xã hội/ OTT (over the top) gồm tối thiểu các chức năng: thông tin thông báo, điểm danh, xin nghỉ học, phản hồi, đánh giá.

4. Kế hoạch cải tiến

Giải pháp cụ thể/Công việc thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tuyên truyền với phụ huynh tích cực tham gia dịch vụ kết nối giữa gia đình và cơ sở giáo dục qua ứng dụng web/thiết bị thông minh/ mạng xã hội/ OTT (over the top).	CBGVNV	CBGVNV và CMHS	Năm học 2026-2027 và các năm tiếp theo.	

5. Tự đánh giá: Đạt 03 điểm

Tiêu chí 3.3: Dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt.

1. Mô tả hiện trạng

Thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt đối với các khoản thu chi dịch vụ, chi trả chế độ học sinh, kết nối phần mềm quản lý tài chính của đơn vị với các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin.

Nhà trường đã triển khai tới phụ huynh học sinh dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt thông qua ứng dụng <https://qltc.dtsoft.vn/>.

2. Điểm mạnh

100% phụ huynh học sinh của trường đã nộp các khoản phí dịch vụ giáo dục thông qua quét mã của ứng dụng Dtsoft.

Việc kết nối giữa gia đình và cơ sở giáo dục bằng hình thức trực tiếp qua giờ đón, trả trẻ và qua ứng dụng zalo của các nhóm lớp được thực hiện thường xuyên.

Khi triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt qua ứng dụng <https://qltc.dtsoft.vn/> giúp bộ phận kế toán của nhà trường tổng hợp nhanh và chính xác những học sinh nào đã nộp và chưa nộp phí dịch vụ để thông tin tới giáo viên chủ nhiệm có trách nhiệm đôn đốc phụ huynh học sinh nộp các khoản phí theo đúng thời hạn quy định.

3. Điểm yếu

Còn một số ít phụ huynh khi nộp các khoản phí dịch vụ giáo dục thông qua quét mã của ứng dụng Dtsoft còn chậm phải nhắc nhở.

4. Kế hoạch cải tiến

Giải pháp cụ thể/ Công việc thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
CBGVNV tích cực tuyên truyền để 100% phụ huynh học sinh duy trì nộp quét mã ứng dụng Dtsoft đúng thời hạn	CBGVNV	Phụ huynh học sinh	Năm học 2026-2027 và các năm tiếp theo.	

5. Tự đánh giá: Đạt 04 điểm

* Kết quả đánh giá nhóm tiêu chí 3:

Chỉ số	Điểm số
- Dịch vụ tuyển sinh đầu cấp mầm non trực tuyến	1
- Dịch vụ kết nối giữa gia đình và cơ sở giáo dục	3
- Dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt.	4
Tổng điểm	8

*Kết luận nhóm tiêu chí 3: Đạt mức độ 2

IV. NHÓM TIÊU CHÍ 4: Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số

- Tỷ lệ giáo viên sử dụng được ứng dụng, khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

- Tỷ lệ giáo viên hằng năm được tập huấn, bồi dưỡng (gồm cả bồi dưỡng cấp chứng chỉ, giấy chứng nhận) nâng cao năng lực chuyên môn thông qua nền tảng số

Mức độ:

Mức độ 1: dưới 05 điểm,

Mức độ 2: từ 05-15 điểm,

Mức độ 3: trên 15 điểm

Tiêu chí 4.1: Tỷ lệ giáo viên sử dụng được ứng dụng, khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tập huấn nội dung chuyển đổi số và triển khai thực hiện các buổi tập huấn cho CBGVNV gồm cách xây dựng kế hoạch giáo dục trên máy tính, cách xây dựng giáo án điện tử, cách sử dụng các phần mềm, cách sử dụng ứng dụng AI vào quản lý chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

100% GV xây dựng kế hoạch giáo dục bằng máy tính.

Nhà trường có đội ngũ giáo viên trẻ, ứng dụng CNTT tốt, với 58 giáo viên/26 nhóm lớp. Cán bộ quản lý, giáo viên biết sử dụng, khai thác được các ứng dụng CNTT, học liệu điện tử để hỗ trợ công việc gồm 57/59 CBGVNV = 96,7%. (không bao gồm nhân viên dinh dưỡng và bảo vệ)

Khuyến khích giáo viên xây dựng bài giảng điện tử, ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI; huy động giáo viên tham gia đóng góp nguồn học liệu để chia sẻ dùng chung của trường, xã, tỉnh; tham gia các diễn đàn giáo dục STEAM/STEM, các trang học liệu số được Bộ GD&ĐT giới thiệu, các nguồn tài nguyên khác trên internet đã được thẩm định chuẩn về nội dung để nâng cao năng lực ứng dụng CNTT.

2. Điểm mạnh

100% cán bộ quản lý, giáo viên trong nhà trường có chứng chỉ UDCNTT cơ bản và biết khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Giáo viên rất tích cực tham gia các lớp tập huấn, các khóa đào tạo, tự học tập, trao đổi nâng cao kiến thức về CNTT về chuyển đổi số về sử dụng khai thác phần mềm, công cụ giảng dạy trực tuyến AI để áp dụng vào giảng dạy.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên cao tuổi nên việc khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ hiệu quả chưa cao, việc tiếp cận AI vào giảng dạy còn ở mức độ.

4. Kế hoạch cải tiến

Giải pháp cụ thể/ Công việc thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục bồi dưỡng về UDCNTT và khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ cho các giáo viên còn yếu về CNTT.	BGH, tổ trưởng CM, giáo viên cốt cán	CBGVNV trong trường	Năm học 2026-2027 và các năm tiếp theo.	

5. Tự đánh giá: Đạt 8 điểm

Tiêu chí 4.2: Tỷ lệ giáo viên hằng năm được tập huấn, bồi dưỡng (gồm cả bồi dưỡng cấp chứng chỉ, giấy chứng nhận) nâng cao năng lực chuyên môn thông qua nền tảng số.

1. Mô tả hiện trạng

Trong năm học đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên tại đơn vị được tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn do đơn vị, các cơ quan quản lý cấp trên tổ chức thông qua nền tảng số và có giấy chứng nhận là 59/59 CBGV = 100%.

Nhà trường đã huy động đội ngũ giáo viên cốt cán tham gia hỗ trợ, hướng dẫn đồng nghiệp xây dựng, phát triển giáo án điện tử, nâng cao năng lực chuyên môn qua nền tảng số.

Tăng cường tổ chức bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ giáo viên; ưu tiên bồi dưỡng các nội dung gắn với thực tế công việc như: ứng dụng các phần mềm dạy học, xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử: <https://www.vidu.studio>; <https://pika.art>; <https://www.bing.com/>; <https://canva.com>; <http://y2mate.com/>; <http://pixabay.com/>; <http://videovo.com/>; ...

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ CBGV đã tham gia khoá học chương trình Quốc gia chuyên do công ty TNHH trực tuyến công nghệ Việt Nam mở và được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành khoá học cao.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên cao tuổi nên việc ứng dụng nền tảng số hiệu quả chưa cao.

Thiếu cơ sở hạ tầng và thiết bị: máy tính, phần mềm hỗ trợ giảng dạy còn hạn chế, chưa đồng bộ.

4. Kế hoạch cải tiến

Giải pháp cụ thể/ Công việc thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục bồi dưỡng về UDCNTT và nâng cao năng lực chuyên môn thông qua nền tảng số cho các giáo viên cao tuổi.	BGH, tổ trưởng CM, giáo viên cốt cán	CBGVNV trong trường	Năm học 2026-2027 và các năm tiếp theo.	

5. Tự đánh giá: Đạt 09 điểm

*** Kết quả đánh giá nhóm tiêu chí 4:**

Chỉ số	Điểm số
- Tỷ lệ giáo viên sử dụng được ứng dụng, khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	8
- Tỷ lệ giáo viên hằng năm được tập huấn, bồi dưỡng (gồm cả bồi dưỡng cấp chứng chỉ, giấy chứng nhận) nâng cao năng lực chuyên môn thông qua nền tảng số	9
Tổng điểm	17

*** Kết luận nhóm tiêu chí 4: Đạt mức độ 3**

V. NHÓM TIÊU CHÍ 5: Hạ tầng, thiết bị phục vụ quản trị, hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Tỷ lệ phòng học có thiết bị hỗ trợ triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và được kết nối Internet.

- Máy tính kết nối Internet phục vụ công tác văn phòng, chuyên môn của cơ sở giáo dục mầm non

Mức độ:

Mức độ 1: dưới 03 điểm;

Mức độ 2: từ 03-06 điểm;

Mức độ 3: trên 06 điểm

Tiêu chí 5.1: Tỷ lệ phòng học có thiết bị (như: thiết bị trình chiếu, tivi, máy tính, thiết bị nghe, nhìn, thiết bị phụ trợ khác) hỗ trợ triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và được kết nối Internet (trong trường hợp thiết bị có cổng kết nối Internet)

1. Mô tả hiện trạng

Năm học 2025-2026, nhà trường có 26 nhóm lớp ở 4 điểm trường. Các điểm trường và các nhóm lớp đều có kết nối internet, 26/26 lớp có tivi màn hình lớn kết nối internet, có máy tính thuận tiện triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đầu tư tương đối đầy đủ cơ sở hạ tầng, thiết bị phục vụ quản trị, hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

3. Điểm yếu

Kinh phí để sửa chữa, mua sắm các thiết bị điện tử còn khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến

Giải pháp cụ thể/ Công viện thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tích cực tham mưu với cấp trên bổ sung kinh phí để mua sắm, bổ sung trang thiết bị phục vụ hỗ trợ, triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.	BGH	Tờ trình, kinh phí	Năm học 2026-2027 và các năm tiếp theo.	

5. Tự đánh giá: Đạt 4 điểm

Tiêu chí 5.2: Máy tính kết nối Internet phục vụ công tác văn phòng, chuyên môn của cơ sở giáo dục mầm non

1. Mô tả hiện trạng

Trường có 4 điểm trường đều được kết nối internet do Viettel, VNPT cung cấp, đáp ứng được nhu cầu sử dụng.

Nhà trường có 2 bộ máy chiếu, 2 bộ thiết bị nghe, 26 lớp có tivi 42-43 inch.

Nhà trường có 10 máy tính văn phòng và 02 laptop được kết nối Internet, 16 máy in phục vụ công tác chuyên môn.

2. Điểm mạnh

Có đầy đủ máy tính phục vụ công tác văn phòng và các tổ chuyên môn. được kết nối Internet để phục vụ quản trị, hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Một số thiết bị đã cũ nên hiệu quả sử dụng không được cao.

4. Kế hoạch cải tiến

Giải pháp cụ thể/ Công viện thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tích cực tham mưu với cấp trên bổ sung kinh phí để mua sắm bổ sung, nâng cấp trang thiết bị phục vụ	BGH	Tờ trình, kinh phí	Năm học 2026-2027 và các năm tiếp theo.	

quản trị, hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.				
--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt 4 điểm

*** Kết quả đánh giá nhóm tiêu chí 5: Đạt 8 điểm**

Chỉ số	Điểm số
- Tỷ lệ phòng học có thiết bị hỗ trợ triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và được kết nối Internet	4
- Máy tính kết nối Internet phục vụ công tác văn phòng, chuyên môn của cơ sở giáo dục mầm non	4
Tổng điểm	8

*** Kết luận nhóm tiêu chí 5: Đạt mức độ 3**

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Căn cứ Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Công văn hướng dẫn triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở GDMN của Sở Giáo dục và Đào tạo, căn cứ kết quả hoạt động của công tác chuyển đổi số năm học 2025-2026, trường Mầm non Xuân Ninh tự đánh giá về mức độ đáp ứng các Quy định về tiêu chí, thấy được các điểm mạnh, điểm yếu, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện nhằm đáp ứng các tiêu chí của bộ Tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục mầm non.

Trên cơ sở nhận định mức độ đạt được, nhà trường phát huy những tiêu chí đã đạt được, điều chỉnh và bổ sung lại những tiêu chí còn thiếu sót, hạn chế. Tiếp tục xây dựng lực lượng nòng cốt để thúc đẩy mức độ chuyển đổi số, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong nhà trường.

- Tiêu chí 1: Đạt
- Tiêu chí 2: Đạt 56 điểm – Mức độ 3
- Tiêu chí 3: Đạt 08 điểm – Mức độ 2

- Tiêu chí 4: Đạt 17 điểm – Mức độ 3
- Tiêu chí 5: Đạt 8 điểm – Mức độ 3

Căn cứ kết quả tự đánh giá trường Mầm non Xuân Ninh xác định và tự nhận trường đã đạt mức độ 3 mức độ chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non.

Trên đây là báo cáo tự đánh giá về mức độ chuyển đổi số tại thời điểm tháng 6 năm 2026 của trường Mầm non Xuân Ninh.

Trường Mầm non Xuân Ninh kính mong đoàn đánh giá ngoài đánh giá, xác định mức độ và công nhận:

Trường Mầm non Xuân Ninh đạt mức độ chuyển đổi số mức độ 3.

Xuân Trường, ngày 05 tháng 6 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

Mai Thị Mai